Phong GD&ÑT Dau Tieng	VU GIAO DUC MAM NON
Trööng Mam Non 13/3	Thö hai,ngay 05/01/2026

HOA ÑÔN ÑI CHÔ

Böa an :An Chính

Ño tuoi :Mau giao

Tong so tre :303

Sang : Banh canh ga nam mööp ca rot su su bap ngo rí

Söa grow

Tröa : Côm thòt löôn kho nghe sa nam ca rot.

Canh rau den mööp tom kho thòt heo nac

Mon xao: ñau bap

Xe: söa grow

Xe chieu: Mì sôi thòt bo nam mööp ca rot gia rau hung

So Tien Tren Moi Tre 36959

STT	Ten thöc pham	Khoi lööng(g)	Ñôn gia(ñ/100g)	Thanh tien(ñ)
	*CHÔ			
1	Ram (muoi)	3,000	1,060	31,800
2	Löôn	5,000	28,670	1,433,500
3	Tom kho	200	78,100	156,200
4	Nööc mam Ca (loai 1)	3,000	6,160	184,800
5	Dau thao moc	3,000	6,280	188,400
6	Ñööng cat	3,000	3,880	116,400
7	Dau me	1,000	3,870	38,700
8	Nghe tööi	300	5,460	16,380
9	Gao te may	15,000	2,630	394,500
10	Ngo (bap) tööi	1,000	4,200	42,000
11	Hanh la	1,600	5,460	87,360
12	Hanh cu tööi	1,000	6,300	63,000
13	Ca rot	6,000	5,780	346,800
14	Gia ñau xanh	1,000	2,730	27,300
15	Rau ngo (Rau mui)	100	8,930	8,930
16	Mööp	12,000	4,200	504,000
17	Su su	1,000	3,470	34,700
18	Sa	300	2,840	8,520
19	Rau hung	100	11,030	11,030
20	Nam rôm	2,000	14,180	283,600
21	Rau den	4,000	3,780	151,200
22	Ñau bap	3,500	7,880	275,800
23	Banh canh	20,000	2,200	440,000
24	Mì sôi	7,500	7,700	577,500
25	Thòt lôn nac	9,600	18,480	1,774,080
26	Thòt ga loai 1	3,000	12,920	387,600
27	Thòt bo loai 1	3,000	37,800	1,134,000
	Cong			**8,718,100**
	*XUAT KHO			
28	Söa bot Abbot Grow	12,100	20,500	2,480,500
	Cong			**2,480,500**

Tong tien thöc pham	**11,198,600** ñ
Chi phí khac	0(ñ)
Tien ñööc chi trong ngay	11211000(ñ)
So dö ñau ngay	0(ñ)
So dö cuoi ngay	12400(ñ)
Xuat an luy ke tö ñau thang	
Tieu chuan luy ke tö ñau thang	
Tien chi luy ke tö ñau thang	

Phó Hiệu Trưởng Duyệt

Tương Ngọc Thủy Tiên